

g) Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân;

h) Phương án sử dụng dịch vụ về định danh và xác thực điện tử;

i) Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức trong xử lý dữ liệu cá nhân;

k) Nhân sự đủ điều kiện theo quy định.

3. Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân đánh giá hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu trong thời hạn 10 ngày. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và đúng quy định, cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thẩm định, xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân theo Mẫu số 05 tại Phụ lục của Nghị định này. Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân là bản giấy, bản điện tử; bản giấy được cấp trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc theo yêu cầu khi nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công. Trường hợp không cấp, cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thông báo bằng văn bản cho tổ chức và nêu rõ lý do.

Điều 26. Hồ sơ, trình tự, thủ tục về việc cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân

1. Cấp lại khi bị mất, bị hỏng bản giấy Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân.

a) Trường hợp tổ chức có nhu cầu cấp lại bản giấy thì gửi đơn đề nghị theo Mẫu số 05 tại Phụ lục của Nghị định này bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị theo quy định, cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cấp đổi khi bị sai thông tin hoặc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân.

a) Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị theo Mẫu số 06 tại Phụ lục của Nghị định này; Giấy tờ, tài liệu chứng minh nội dung sai thông tin, thay đổi nội dung thông tin trên Giấy chứng nhận đã được cấp.

b) Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ nêu trên bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân xem xét, quyết định cấp đổi Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

Điều 27. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân

1. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân trong các trường hợp sau:

a) Khi không bảo đảm một trong các điều kiện tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị định này;

b) Không kinh doanh dịch vụ từ 12 tháng trở lên;

c) Bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

d) Không khắc phục vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Chủ động đề nghị xin đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động.

2. Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân quyết định việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân theo Mẫu số 07 tại Phụ lục của Nghị định này.

3. Tổ chức kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm nộp lại Giấy chứng nhận đã được cấp cho Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định thu hồi.

4. Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân khi ban hành Quyết định việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân và thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 28. Nội dung thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Nội dung thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, gồm:

a) Mô tả tính chất của việc vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân, bao gồm: thời gian, địa điểm, hành vi, tổ chức, cá nhân, các loại dữ liệu cá nhân và số lượng dữ liệu liên quan;

b) Chi tiết liên lạc của bộ phận, nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân;

c) Mô tả các hậu quả, thiệt hại có thể xảy ra của việc vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân;

d) Mô tả biện pháp được đưa ra để giải quyết, giảm thiểu tác hại của hành vi vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, bên xử lý bên thứ ba gửi thông báo vi phạm quy định về dữ liệu cá nhân đến cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc qua Cổng thông tin quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Mẫu số 08 tại Phụ lục của Nghị định này.

Điều 29. Thông báo vi phạm đối với dữ liệu vị trí cá nhân và dữ liệu sinh trắc học

1. Khi xảy ra sự cố vi phạm dữ liệu cá nhân liên quan đến dữ liệu vị trí hoặc dữ liệu sinh trắc học, bên kiểm soát dữ liệu cá nhân hoặc bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm:

a) Thông báo cho chủ thể dữ liệu bị ảnh hưởng trong thời hạn không quá 72 giờ kể từ thời điểm phát hiện vi phạm;

b) Báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 Nghị định này;

c) Ghi nhận, lưu trữ và cập nhật hồ sơ vi phạm phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý. Tổ chức phải lưu hồ sơ vi phạm trong thời gian tối thiểu 5 năm kể từ ngày khắc phục xong sự cố.

2. Thông báo cho chủ thể dữ liệu theo điểm a khoản 1 Điều này phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- a) Thời điểm và hình thức phát hiện vi phạm;
- b) Loại dữ liệu bị ảnh hưởng (vị trí, sinh trắc học hoặc cả hai);
- c) Mức độ nghiêm trọng và các rủi ro có thể xảy ra đối với quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu;
- d) Biện pháp đã, đang và sẽ được thực hiện để khắc phục sự cố và giảm thiểu thiệt hại;
- đ) Hướng dẫn chủ thể dữ liệu thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tiếp theo;
- e) Thông tin liên hệ của bộ phận, nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân; bộ phận tiếp nhận, xử lý sự cố dữ liệu cá nhân tại tổ chức.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân không thể thông báo cho tất cả chủ thể dữ liệu cá nhân bị ảnh hưởng trong thời hạn nêu tại khoản 1 Điều này vì lý do kỹ thuật hoặc khẩn cấp, phải thực hiện:

- a) Thông báo công khai bằng phương tiện điện tử chính thức của tổ chức qua trang thông tin điện tử, ứng dụng;
- b) Gửi thông báo cho chủ thể dữ liệu cá nhân liên quan ngay khi điều kiện kỹ thuật cho phép.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân không thực hiện thông báo đúng hạn hoặc cố tình trì hoãn, né tránh nghĩa vụ thông báo sẽ bị xem xét xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương IV

THỰC THI CÔNG TÁC BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Điều 30. Trách nhiệm thực hiện hợp tác quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân

- 1. Cơ quan chuyên trách về bảo vệ dữ liệu cá nhân có trách nhiệm giúp Bộ Công an thực hiện hợp tác quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- 2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện hợp tác quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ được giao.
- 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hợp tác quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 31. Kiểm tra hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Kiểm tra hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân được tiến hành thường xuyên, đột xuất, trong trường hợp sau đây:

a) Khi có căn cứ nghi vấn về hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Khi có chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

c) Thực hiện công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng kiểm tra hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân;

b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện hoạt động đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các vụ, việc vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Nội dung kiểm tra công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân:

a) Hiện trạng tuân thủ công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Hoạt động đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới;

c) Hoạt động kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân.

4. Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân ban hành quyết định kiểm tra và thông báo cho đối tượng kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều này trước 15 ngày về thời gian, nội dung và thành phần đoàn kiểm tra. Trường hợp kiểm tra đột xuất để kịp thời xác minh, phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân có quyền tiến hành kiểm tra ngay mà không cần thông báo trước.

5. Đối tượng kiểm tra phải chuẩn bị đầy đủ các nội dung kiểm tra phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều này và theo yêu cầu cụ thể tại quyết định kiểm tra do cơ quan chuyên trách về bảo vệ dữ liệu cá nhân ban hành.

Điều 32. Nghiên cứu, phát triển các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, bao gồm:

1. Xây dựng hệ thống phần mềm, trang thiết bị bảo vệ dữ liệu cá nhân;
2. Phương pháp thẩm định phần mềm, trang thiết bị bảo vệ dữ liệu cá nhân đạt chuẩn;
3. Phương pháp kiểm tra phần cứng, phần mềm được cung cấp thực hiện đúng chức năng;
4. Ghi nhận và quản lý sự tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
5. Giải quyết nguy cơ lộ, mất dữ liệu cá nhân;
6. Sáng kiến kỹ thuật nâng cao nhận thức, kỹ năng về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
7. Xử lý dữ liệu cá nhân phục vụ công tác thống kê, khoa học;
8. Giải pháp cho chủ thể dữ liệu cá nhân kiểm soát dữ liệu cá nhân của mình, cung cấp và chia sẻ dữ liệu theo cơ chế tiết lộ có chọn lọc, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế;
9. Tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu cá nhân;
10. Các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân khác phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 33. Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
2. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, đề án, dự án, chương trình, kế hoạch về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
3. Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân về biện pháp, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.
4. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

6. Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

7. Thống kê, thông tin, báo cáo về tình hình bảo vệ dữ liệu cá nhân và việc thực hiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Tổ chức sơ kết, tổng kết, nghiên cứu khoa học về bảo vệ dữ liệu cá nhân; nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

9. Hợp tác quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Giúp Chính phủ thống nhất thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Hướng dẫn, triển khai hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ quyền của chủ thể dữ liệu trước các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo vệ dữ liệu cá nhân; quy chuẩn kỹ thuật khử nhận dạng dữ liệu cá nhân, ẩn danh dữ liệu cá nhân được ban hành và áp dụng tại Việt Nam.

5. Xây dựng, quản lý, vận hành Cổng thông tin quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

6. Triển khai tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về bảo vệ dữ liệu cá nhân cho lực lượng bảo vệ dữ liệu cá nhân.

7. Đánh giá, sơ kết, tổng kết kết quả công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

8. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học về bảo vệ dữ liệu cá nhân; nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về bảo vệ dữ liệu cá nhân để đổi mới trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân.

9. Triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 35. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Phối hợp với Bộ Công an, các cơ quan, tổ chức có liên quan bố trí lực lượng, phương tiện để bảo vệ dữ liệu cá nhân, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an thực hiện đánh giá kết quả công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý; thúc đẩy áp dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân; nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ bảo mật tiên tiến trong xử lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân phục vụ hoạt động quốc phòng; thực hiện hợp tác quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức, kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

4. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng theo quy định pháp luật và chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp với Bộ Công an trong xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo vệ dữ liệu cá nhân; quy chuẩn kỹ thuật khử nhận dạng dữ liệu cá nhân, ẩn danh dữ liệu cá nhân được ban hành và áp dụng tại Việt Nam.

2. Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan có liên quan trong việc nghiên cứu, phát triển, làm chủ, ứng dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân áp dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ chiến lược, hình thành các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số thông qua các chương trình khoa học và công nghệ.

Điều 37. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng và triển khai các nội dung, nhiệm vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Nghị định này.

3. Bổ sung các quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân trong xây dựng, triển khai các nhiệm vụ của các bộ, ngành.

4. Bố trí nhân sự và bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm đáp ứng năng lực, phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu chuyên môn về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

5. Bố trí kinh phí phục vụ hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

6. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

7. Phối hợp với Bộ Công an trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

8. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng hướng dẫn và triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

Điều 38. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Thực hiện quản lý nhà nước đối với bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Triển khai các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Nghị định này.

3. Bố trí nhân sự và bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm đáp ứng điều kiện năng lực, phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu chuyên môn về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

4. Bố trí kinh phí phục vụ hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức, kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

6. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân tại các cấp hành chính; lồng ghép nội dung bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các chương trình cải cách hành chính và chuyển đổi số.

7. Xây dựng hệ thống thống kê, tổng hợp và báo cáo định kỳ về tình hình bảo vệ dữ liệu cá nhân tại địa phương gửi cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

Điều 39. Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân và Cổng thông tin quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân là đơn vị trực thuộc Bộ Công an, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Cổng thông tin quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân là nơi cung cấp thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân; hỗ trợ hướng dẫn, nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thực hiện hoạt động khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 40. Kinh phí bảo đảm hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Kinh phí thực hiện bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm ngân sách nhà nước; ủng hộ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân; viện trợ quốc tế và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Kinh phí bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan nhà nước do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm. Việc quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Kinh phí bảo vệ dữ liệu cá nhân của tổ chức, doanh nghiệp do các tổ chức, doanh nghiệp tự bố trí và thực hiện theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Quy định về việc áp dụng khoản 2, khoản 3 của Điều 38 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp được quyền lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện quy định tại Điều 21, Điều 22 và khoản 2 Điều 33 của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thời gian 05 năm kể từ ngày Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân có hiệu lực thi hành, trừ doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân, trực tiếp xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm hoặc xử lý dữ liệu cá nhân kể từ thời điểm có quy mô đạt từ 100 nghìn chủ thể dữ liệu cá nhân trở lên dựa trên kết quả tích lũy tổng lượng dữ liệu cá nhân đã xử lý.

2. Hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ không phải thực hiện quy định tại Điều 21, Điều 22 và khoản 2 Điều 33 của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, trừ hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân, trực tiếp xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm hoặc xử lý dữ liệu cá nhân kể từ thời điểm có quy mô đạt từ 100 nghìn chủ thể dữ liệu cá nhân trở lên dựa trên kết quả tích lũy tổng lượng dữ liệu cá nhân đã xử lý.

Điều 42. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
3. Sửa đổi khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu như sau:
 “2. Việc bảo vệ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng là dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và văn bản quy định chi tiết thi hành.
 Trường hợp chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng xuyên biên giới là dữ liệu cá nhân, chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng thực hiện hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; không phải thực hiện đánh giá rủi ro, đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới theo quy định của Nghị định này.”
4. Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

5. Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (02b). 70

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Hòa Bình



Phụ lục
DANH MỤC HỒ SƠ VÀ BIỂU MẪU
(Kèm theo Nghị định số 356/2025/NĐ-CP
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01a	Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới đối với tổ chức
Mẫu số 01b	Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới đối với cá nhân
Mẫu số 02a	Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân đối với tổ chức
Mẫu số 02b	Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân đối với cá nhân
Mẫu số 03a	Thông báo cập nhật hồ sơ đánh giá tác động đối với tổ chức
Mẫu số 03b	Thông báo cập nhật hồ sơ đánh giá tác động đối với cá nhân
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân
Mẫu số 05	Quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân
Mẫu số 06	Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân
Mẫu số 07	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân
Mẫu số 08	Thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân
Mẫu số 09	Báo cáo đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới
Mẫu số 10	Báo cáo đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
GỬI HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHUYÊN
DỮ LIỆU CÁ NHÂN XUYÊN BIÊN GIỚI

Kính gửi: Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an.

Thực hiện quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân,¹ xin gửi Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an Hồ sơ đánh giá tác động chuyên dữ liệu cá nhân xuyên biên giới, như sau:

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp

- Tên giao dịch tiếng Việt - Tên viết tắt tiếng Việt:
- Tên giao dịch tiếng Anh - Tên viết tắt tiếng Anh:
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ trụ sở giao dịch:
- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
- Mã số thuế:
- Điện thoại: Website:
- Bộ phận, nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân của bên chuyển dữ liệu cá nhân:.....
- Họ và tên:
- Chức vụ:
- Số điện thoại liên lạc (cố định và di động):
- Email:.....

¹ Tên tổ chức, doanh nghiệp.

2. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới (bao gồm các hồ sơ theo mẫu, tài liệu, văn bản, hình ảnh kèm theo)

a)

b)

3. Cam kết

.....² xin cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới cùng các tài liệu kèm theo và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

...

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

² Tên tổ chức, doanh nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
GỬI HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHUYỂN
DỮ LIỆU CÁ NHÂN XUYÊN BIÊN GIỚI

Kính gửi: Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an.

Thực hiện quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Tôi xin gửi Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới, như sau:

1. Thông tin về người nộp hồ sơ

- Tên cá nhân:
- Địa chỉ:.....
- Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu.....
- cấp ngày...../...../..... tại.....
- Số điện thoại:.....
- Email:.....
- Đơn vị công tác (nếu có):.....

2. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới (bao gồm các hồ sơ theo mẫu, tài liệu, văn bản, hình ảnh kèm theo)

- a)
- b)

3. Cam kết

Tôi xin cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung thay đổi cùng các tài liệu kèm theo và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
GỬI HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Kính gửi: Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an

Thực hiện quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân,¹ xin gửi Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, như sau:

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp

- Tên tổ chức, doanh nghiệp (tiếng Việt - tiếng nước ngoài):
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Địa chỉ trụ sở giao dịch:
 - Loại hình doanh nghiệp (trong nước/ngoài nước):
 - Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
 - Mã số thuế:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Điện thoại: Website:
 - Bộ phận, nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân:
- Họ và tên:
- Chức vụ:
- Số điện thoại liên lạc (cố định và di động):
- Email:

¹ Tên tổ chức, doanh nghiệp.

2. Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân (bao gồm các hồ sơ theo mẫu, tài liệu, văn bản, hình ảnh kèm theo)

a)

b)

3. Cam kết

.....² xin cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân cùng các tài liệu kèm theo và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

...

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

² Tên tổ chức, doanh nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
GỬI HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Kính gửi: Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an.

Thực hiện quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Tôi xin gửi Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, như sau:

1. Thông tin về người nộp hồ sơ

- Tên cá nhân:

- Địa chỉ:

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu.....

cấp ngày...../...../..... tại.....

- Số điện thoại:

- Email:

- Đơn vị công tác (nếu có):

2. Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân (bao gồm các hồ sơ theo mẫu, tài liệu, văn bản, hình ảnh kèm theo)

a)

b)

3. Cam kết

Tôi xin cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung thay đổi cùng các tài liệu kèm theo và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG HỒ SƠ¹

Kính gửi: Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an.

Thực hiện quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân,² xin gửi Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, như sau:

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ trụ sở giao dịch:
- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

- Mã số thuế:

- Điện thoại: Website

- Nhân sự chịu trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân:.....

Họ và tên:.....

Chức danh:.....

Số điện thoại liên lạc (cố định và di động):

Email:.....

2. Mô tả tóm tắt thay đổi nội dung hồ sơ

- Nội dung thay đổi:.....
- Lý do thay đổi:.....

¹ Tên hồ sơ: Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân hoặc Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài.

² Tên tổ chức, doanh nghiệp.

3. Tài liệu kèm theo

a)

b)

4. Cam kết

.....³ xin cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung thay đổi cùng các tài liệu kèm theo và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

...

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

³ Tên tổ chức, doanh nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG HỒ SƠ¹

Kính gửi: Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an

Thực hiện quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Tôi xin gửi Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ Công an Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, như sau:

1. Thông tin về người gửi hồ sơ

- Tên cá nhân:

- Địa chỉ:

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu.....

cấp ngày...../...../..... tại.....

- Số điện thoại:

- Email:

- Đơn vị công tác (nếu có):

2. Mô tả tóm tắt thay đổi nội dung hồ sơ

- Nội dung thay đổi:

- Lý do thay đổi:

3. Tài liệu kèm theo

a)

b)

4. Cam kết

Tôi xin cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung thay đổi cùng các tài liệu kèm theo và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Tên hồ sơ: Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân hoặc Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN**

Kính gửi: Bộ Công an.

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.....¹ xin gửi Bộ Công an đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân, như sau:

1. Thông tin về tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận

- Tên giao dịch tiếng Việt - Tên viết tắt tiếng Việt:
- Tên giao dịch tiếng Anh - Tên viết tắt tiếng Anh:
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ trụ sở giao dịch:
- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
- Mã số thuế:
- Điện thoại: Fax:
- Website: Email:
- Tên và địa chỉ liên hệ của người đại diện theo pháp luật:
.....
- Nhân sự chịu trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân:.....
- (1) Họ và tên:.....
- Chức danh:.....
- Số điện thoại liên lạc:

¹ Tên tổ chức, doanh nghiệp.

Email:.....

(2) Họ và tên:.....

Chức danh:.....

Số điện thoại liên lạc:

Email:.....

(3) Họ và tên:.....

Chức danh:.....

Số điện thoại liên lạc:

Email:.....

2. Danh mục các dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân xin cấp Giấy chứng nhận

STT	Tên dịch vụ	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1		
2		

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

4. Cam kết

.....² xin cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của đơn đề nghị cùng các tài liệu kèm theo và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

² Tên tổ chức, doanh nghiệp.

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng... năm

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Công an;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân ngày ... tháng ... năm ... của⁽¹⁾;

Theo đề nghị của.....

CHỨNG NHẬN

Điều 1.⁽¹⁾ đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân có thông tin như sau:

1. Tên giao dịch của doanh nghiệp bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài:

.....

2. Họ và tên người đại diện theo pháp luật.....

3. Giấy phép đăng ký doanh nghiệp/quyết định thành lập số:
 cấp ngày... tháng... năm.....; cơ quan cấp:

4. Mã số thuế:

5. Địa chỉ trụ sở chính tại Việt Nam:

6. Số điện thoại:

7. E-mail:

Điều 2.⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân này có hiệu lực kể từ ngày ký.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ tên)

⁽¹⁾ Tên tổ chức đề nghị.